TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh

2. Bà Lê Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 627/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Cẩm V, sinh năm 1969 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Dương Hoàng D, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Khóm 8, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2019, nguyên đơn bà Phan Cẩm V trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà Phan Cẩm V và ông Dương Hoàng D chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tính tình vờ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà và ông không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống có 02 người con tên Dương Hoàng L, sinh năm 1992 và Dương Thảo T, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành. Khi ly hôn bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung,nợ chung*: Bà V xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Hoàng D: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Dương Hoàng D vẫn vắng mặt tại tòa; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn ông Dương Hoàng D có nơi cư trú tại khóm 8, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Phan Cẩm V khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Dương Hoàng D. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bà V là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà V là nguyên đơn, ông D là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà V có mặt, ông D vắng mặt; căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt ông D theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Cẩm V và ông Dương Hoàng D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện. Tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà và ông không đăng ký kết hôn theo luật định. Bà V và ông D không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, ông bà đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà và ông đã không còn quan tâm với nhau.

Xét, mâu thuẫn giữa bà V và ông D là thực tế có xảy ra; đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, cho bà V được ly hôn với ông D.

[3] *Về con chung:* Bà V và ông D có 02 người con tên Dương Hoàng L, sinh năm 1992 và Dương Thảo T, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Bà V xác định tự thỏa thuận; nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Cẩm V và ông Dương Hoàng D là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Phan Cẩm V phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 23/9/2019 bà V đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002697 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công